

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004178 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/12/2009.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: INDUSTRIAL CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOIN STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ICIC

Trụ sở chính: Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Phương Thịnh	Chủ tịch
Ông Đàm Xuân Vũ	Ủy viên
Ông Trần Văn Khiên	Ủy viên
Ông Trương Quang Dũng	Ủy viên
Ông Trần Gia Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Đàm Xuân Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Trình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Kiên Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Đàm Xuân Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Số: **272** /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+140+150)	100		368.937.229.492	383.648.224.000
I- Tiền	110		26.265.650.418	36.380.935.763
1. Tiền	111	5.1	26.265.650.418	36.380.935.763
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.040.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	23.040.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.242.488.699	200.394.893.088
1. Phải thu khách hàng	131		125.293.882.628	97.395.218.964
2. Trả trước cho người bán	132		15.834.085.028	7.543.815.510
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	30.875.059.027	99.162.170.050
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.760.537.984)	(3.706.311.436)
IV- Hàng tồn kho	140		150.921.384.180	146.242.277.785
1. Hàng tồn kho	141	5.4	150.921.384.180	146.242.277.785
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		467.706.195	630.117.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.986.364	3.486.364
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	462.719.831	626.631.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+ 220+240+250+260)	200		24.608.604.687	13.723.469.607
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		14.189.186.723	6.201.766.539
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	13.728.075.189	6.072.895.539
Nguyên giá	222		34.571.645.111	24.706.272.593
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.843.569.922)	(18.633.377.054)
2. Tài sản cố định vô hình	227		128.871.000	128.871.000
Nguyên giá	228		128.871.000	128.871.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		332.240.534	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	7.310.000.000	5.310.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.900.000.000	3.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.410.000.000	1.410.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		3.109.417.964	2.211.703.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.884.733.761	1.693.295.533
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		224.684.203	518.407.535
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		393.545.834.179	397.371.693.607

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		356.669.921.731	371.543.765.025
I- Nợ ngắn hạn	310		335.413.794.416	364.029.242.557
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	46.956.018.386	25.871.308.987
2. Phải trả người bán	312		109.963.119.230	152.913.209.953
3. Người mua trả tiền trước	313		126.373.502.277	142.020.746.601
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	18.690.859.642	17.448.871.766
5. Phải trả người lao động	315		1.838.793.800	765.426.200
6. Chi phí phải trả	316	5.11	1.246.073.720	4.550.261.176
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	30.055.457.681	20.105.491.329
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		289.969.680	353.926.545
II- Nợ dài hạn	330		21.256.127.315	7.514.522.468
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	14.082.787.686	3.996.818.541
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		764.295.933	545.304.732
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.14	3.207.258.590	2.926.996.045
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.15	3.201.785.106	45.403.150
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.875.912.448	25.827.928.582
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	36.875.912.448	25.827.928.582
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		408.266.000	391.386.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		-	(844.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		154.694.730	300.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		750.000.000	500.000.000
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		20.000.000	15.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.542.951.718	5.465.542.582
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		393.545.834.179	397.371.693.607



Đàm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	504.990.066.093	387.224.310.581
2. Các khoản giảm trừ	02	5.17	7.507.067	21.328.898
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.17	504.982.559.026	387.202.981.683
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	479.113.020.346	361.979.059.176
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.869.538.680	25.223.922.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	3.110.406.622	3.094.133.291
7. Chi phí tài chính	22	5.19	2.845.987.712	4.480.636.986
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.526.376.259</i>	<i>3.374.118.986</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	442.602.908	962.142.133
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	18.819.472.481	14.422.311.455
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.871.882.201	8.452.965.224
11. Thu nhập khác	31	5.22	2.767.252.965	2.583.139.706
12. Chi phí khác	32	5.22	949.284.541	2.822.505.311
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.817.968.424	(239.365.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.689.850.625	8.213.599.619
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	820.990.142	1.129.425.649
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		293.723.332	(277.660.760)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.575.137.151	7.361.834.730
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	3.709	38.431



Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		539.874.499.889	365.697.985.723
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(385.455.778.188)	(314.309.729.055)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(47.441.896.367)	(49.763.260.032)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.397.284.963)	(5.336.600.753)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.418.569.861)	(568.409.331)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		310.498.558.324	243.592.584.503
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(431.936.853.330)	(237.449.621.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.277.324.496)	1.862.949.992
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.509.567.952)	(1.012.197.334)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		520.562.770	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	(1.167.688.864)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.172.161.219	309.294.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.816.843.963)	(1.870.591.316)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.684.060.000	1.350.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.000.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		70.166.301.095	56.830.668.266
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.099.563.481)	(67.208.463.363)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.771.914.500)	(3.303.726.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.978.883.114	(13.331.521.597)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.115.285.345)	(13.339.162.921)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.380.935.763	49.720.098.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	26.265.650.418	36.380.935.763



Đàm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được chuyển đổi Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004178 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/12/2009.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng được chia thành 3.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.080.000	10.800.000.000	36%
Các Cổ đông trong Công ty	1.544.682	15.446.820.000	51%
Các Cổ đông ngoài Công ty	375.318	3.753.180.000	13%
Cộng	3.000.000	30.000.000.000	100%

Các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	Công ty liên kết	20%	20%

Các Chi nhánh của Công ty gồm:

- Xí nghiệp Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Xây dựng số 5
- Xí nghiệp Xây dựng số 7
- Xí nghiệp Xây dựng số 9
- Xí nghiệp Xây dựng số 18
- Xí nghiệp Cơ giới xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Tại T.P Hồ Chí Minh
- Trường bồi túc văn hóa dạy nghề

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Tư vấn đầu tư
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Thiết kế công trình giao thông;
- Thiết kế công trình kỹ thuật;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn;
- Môi giới bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng - hoàn thiện;

Trong năm 2009, hoạt động kinh doanh chính của Công ty xây dựng các công trình dân dụng, nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	02 - 05
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

- Đối với TSCĐ nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước, thời gian khấu hao được xác định bằng 1/2 thời gian khấu hao còn lại khi nhận bàn giao.
- Đối với tài sản mua mới hoặc đầu tư mới, thời gian khấu hao bằng 1/2 thời gian khấu hao tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính.
- Một số tài sản như Trạm trộn bê tông Thái Nguyên, Công ty thực hiện khấu hao theo sản phẩm căn cứ vào công suất thiết kế và thời gian theo quy định của Bộ Tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ công cụ, dụng cụ, chi phí dự án chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.833.758.715	1.331.915.693
Tiền gửi ngân hàng	24.431.891.703	35.049.020.070
Tổng	26.265.650.418	36.380.935.763

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	23.040.000.000	-
Tổng	23.040.000.000	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Phải thu về cổ phần hóa	7.600.000	19.634.000
- Phải thu các đội và Chủ nhiệm công trình tại văn phòng Công ty	2.321.999.747	-
- Dư nợ tài khoản 3388 tại Văn phòng Công ty	8.845.860.950	1.666.834.865
- Phải thu các đội và chủ nhiệm công trình tại các Xí nghiệp và Chi nhánh	17.337.699.972	97.475.701.185
- Các khoản phải thu của CBCNV	12.138.283	-
- Các khoản phải thu khác	2.349.760.075	-
Tổng	30.875.059.027	99.162.170.050

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	27.476.316
Công cụ, dụng cụ	3.876.140.451	19.160.091
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	143.871.753.192	143.672.461.092
Tổng	150.921.384.180	146.242.277.785

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	259.456.839	626.631.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	203.262.992	-
Tổng	462.719.831	626.631.000

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	4.530.606.152	10.873.013.790	8.396.439.079	906.213.572	24.706.272.593
Tăng trong năm	-	7.034.716.416	4.154.015.569	267.745.637	11.456.477.622
Mua trong năm	-	3.870.018.890	4.154.015.569	267.745.637	8.291.780.096
XDCB hoàn thành	-	2.796.515.708	-	-	2.796.515.708
Tăng khác	-	368.181.818	-	-	368.181.818
Giảm trong năm	-	1.511.151.246	-	79.953.858	1.591.105.104
Thanh lý, nhượng bán	-	1.074.827.185	-	-	1.074.827.185
Giảm khác	-	436.324.061	-	79.953.858	516.277.919
Tại ngày 31/12	4.530.606.152	16.396.578.960	12.550.454.648	1.094.005.351	34.571.645.111
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	2.599.039.771	8.801.099.831	6.453.069.231	780.168.221	18.633.377.054
Tăng trong năm	476.550.779	1.846.248.324	647.475.653	139.926.949	3.110.201.705
Khấu hao trong năm	476.550.779	1.846.248.324	647.475.653	139.926.949	3.110.201.705
Giảm trong năm	-	820.054.980	-	79.953.857	900.008.837
Thanh lý, nhượng bán	-	751.912.737	-	-	751.912.737
Giảm khác	-	68.142.243	-	79.953.857	148.096.100
Tại ngày 31/12	3.075.590.550	9.827.293.175	7.100.544.884	840.141.313	20.843.569.922
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	1.931.566.381	2.071.913.959	1.943.369.848	126.045.351	6.072.895.539
Tại ngày 31/12	1.455.015.602	6.569.285.785	5.449.909.764	253.864.038	13.728.075.189

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24	3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	1.410.000.000	1.410.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON ^(a)	2.000.000.000	-
Tổng	7.310.000.000	5.310.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	Công ty liên kết	20%	20%

(a) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON tỷ lệ sở hữu 5% vốn điều lệ tương đương 200.000 Cổ phần.

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí dự án chờ phân bổ	1.330.044.488	814.106.478
Chi phí Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.554.689.273	879.189.055
Tổng	2.884.733.761	1.693.295.533

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	42.452.779.430	21.967.123.993
Vay huy động vốn của các cá nhân	2.364.264.664	3.904.184.994
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.138.974.292	-
Tổng	46.956.018.386	25.871.308.987

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 21/05/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội, hạn mức vay 80.000.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm. Mục đích bổ sung vốn lưu động thường xuyên cho toàn Công ty và các Xí nghiệp có đảm bảo bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.917.826.801	16.149.994.314
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	26.064.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.132.966	1.129.425.650
Thuế thu nhập cá nhân	50.500.622	34.329.923
Các loại thuế khác	68.254.550	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	62.144.703	109.057.860
Tổng	18.690.859.642	17.448.871.766

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí phải trả CT NM VINASHIN	-	2.026.919.174
Chi phí phải trả Dự án NM XM Thái Nguyên	1.106.772.618	2.254.111.437
Lãi vay phải trả Ngân hàng & các đối tượng khác	123.301.102	13.866.029
Các khoản chi phí phải trả khác	16.000.000	255.364.536
Tổng	1.246.073.720	4.550.261.176

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	113.311.204	132.667.225
Phải trả về cổ phần hóa	560.570.000	560.570.000
Dư có Tài khoản 1388	5.270.311.691	9.773.362.191
Phí bảo lãnh Ngân hàng ĐT & PT Hà Nội	1.306.859.485	102.513.716
Phải trả khối lượng xây dựng ICIC 3 & ICIC 24	11.709.015.083	4.752.587.429
Phải trả Khối lượng Trường Cao đẳng Kinh tế	9.250.000.000	2.250.000.000
Phải trả đội và các chủ nhiệm Công trình	1.112.675.777	1.657.396.533
Phải trả khác	732.714.441	876.394.235
Tổng	30.055.457.681	20.105.491.329

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	8.435.216.928	258.151.192
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	7.999.999.969	-
Ngân hàng ANZ	435.216.959	258.151.192
Nợ Dài hạn (GTCL của TSCĐ các XN & Đội)	5.647.570.758	3.738.667.349
Xí nghiệp cơ giới xây dựng	658.406.869	139.644.782
Xí nghiệp xây dựng số 4	175.328.669	3.273.763
Xí nghiệp xây dựng số 18	2.381.013.503	1.348.258.639
Xí nghiệp xây dựng số 1	1.891.142.133	2.233.760.540
Văn phòng Công ty	56.204.231	13.729.625
Xí nghiệp xây dựng số 5	304.290.222	-
Xí nghiệp xây dựng số 7	181.185.131	-
Tổng	14.082.787.686	3.996.818.541

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng trung hạn Số 01/2009/HĐTDTH ngày 24/12/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn mua thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2009, theo quyết định số 198/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp.

5.14 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	3.183.586.772	2.903.324.227
Dự phòng phải trả (TTTV)	23.671.818	23.671.818
Tổng	3.207.258.590	2.926.996.045

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công trình nhà ở Lạng Sơn (XN7)	3.128.137.795	-
Chi phí đào tạo bổ túc văn hóa	73.647.311	45.403.150
Tổng	3.201.785.106	45.403.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn góp thực tế 31/12/2009 (VND)
	Cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.080.000	10.800.000.000	36%	10.800.000.000
Cổ đông trong Công ty	1.544.682	15.446.820.000	51%	15.446.820.000
Cổ đông ngoài Công ty	375.318	3.753.180.000	13%	3.753.180.000
Tổng	3.000.000	30.000.000.000	100%	30.000.000.000

Giao dịch vốn chủ sở hữu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.898.447.953	3.303.726.500

Cổ phiếu

	Năm 2009 Cổ phiếu	Năm 2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	8.440
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	191.560
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	191.560
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đ/Cổ phiếu)	10.000	100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
<i>Đơn vị tính: VND</i>							
Tại 01/01/2008	20.000.000.000	41.386.000	(844.000.000)	-	-	-	2.828.753.057
Tăng trong năm	-	350.000.000	-	300.000.000	500.000.000	50.000.000	7.361.834.730
Trích quỹ	-	-	-	300.000.000	500.000.000	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	50.000.000	7.361.834.730
Tăng khác	-	350.000.000	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	35.000.000	4.725.045.205
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	35.000.000	3.303.716.134
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.421.329.071
Tại 31/12/2008	20.000.000.000	391.386.000	(844.000.000)	300.000.000	500.000.000	15.000.000	5.465.542.582
Tại 01/01/2009	20.000.000.000	391.386.000	(844.000.000)	300.000.000	500.000.000	15.000.000	5.465.542.582
Tăng trong năm	10.000.000.000	16.880.000	-	1.907.514.730	250.000.000	170.000.000	7.575.137.151
Tăng vốn	10.000.000.000	16.880.000	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận 2008	-	-	-	1.907.514.730	250.000.000	170.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế 2009	-	-	-	-	-	-	7.575.137.151
Giảm trong năm	-	-	844.000.000	2.052.820.000	-	165.000.000	7.497.728.015
Phân phối lợi nhuận 2008	-	-	-	-	-	-	2.434.440.953
Phân phối lợi nhuận 2009	-	-	-	-	-	-	1.464.007.000
Trích lập quỹ & khác	-	-	844.000.000	2.052.820.000	-	165.000.000	3.189.527.881
Điều chỉnh theo QTT	-	-	-	-	-	-	409.752.181
Tại 31/12/2009	30.000.000.000	408.266.000	-	154.694.730	750.000.000	20.000.000	5.542.951.718

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Doanh thu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	504.990.066.093	387.224.310.581
Tổng	504.990.066.093	387.224.310.581
Các khoản giảm trừ	7.507.067	21.328.898
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (XN9)	7.507.067	21.328.898
Doanh thu thuần	504.982.559.026	387.202.981.683

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng bán	479.113.020.346	361.979.059.176
Tổng	479.113.020.346	361.979.059.176

5.19 Doanh thu/ Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.488.702.307	309.294.882
Tiền gửi có kỳ hạn	323.584.374	-
Lãi chậm nộp tiền mua nhà	202.052.336	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	585.000.000	546.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	511.067.605	2.238.838.409
Tổng	3.110.406.622	3.094.133.291
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	1.526.376.259	3.374.118.986
Chi phí tài chính khác	89.471.864	
Các khoản chi phí tài chính khác	1.232.031.142	1.106.518.000
Tổng	2.845.987.712	4.480.636.986
Doanh thu tài chính thuần	264.418.910	(1.386.503.695)

5.20 Chi phí bán hàng

	Năm 2009 VND
Chi phí bảo hành	280.262.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.000
Chi phí bằng tiền khác	160.840.363
Tổng	442.602.908

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.491.557.498
Chi phí vật liệu quản lý	211.116.916
Chi phí đồ dùng văn phòng	137.002.931
Chi phí dự phòng	582.861.631
Chi phí khấu hao TSCĐ	772.637.590
Chi phí thuế phí và lệ phí	765.807.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.421.212.234
Chi phí bằng tiền khác	7.437.276.546
Tổng	18.819.472.481

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	
Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	1.289.948.517
Hoàn nhập dự phòng	528.635.083
Tiền sử dụng thương hiệu	739.266.360
Thu nhập khác	209.403.005
Tổng	2.767.252.965
Chi phí khác	
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	874.741.655
Chi phí khác	74.542.886
Tổng	949.284.541
Thu nhập khác thuần	1.817.968.424

5.23 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.689.850.625
Điều chỉnh tăng	75.782.083
Điều chỉnh giảm	2.934.786.658
Lợi nhuận chịu thuế	5.830.846.050
Lợi nhuận từ chuyển quyền sử dụng đất không được miễn giảm thuế	737.075.093
Thuế suất áp dụng	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	184.268.773
Lợi nhuận hoạt động hoạt động khác	5.093.770.957
Thuế suất áp dụng	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.273.442.739
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.457.711.512
Thuế TNDN được giảm	636.721.371
Tổng	820.990.142

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND
Lợi nhuận / lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.575.137.151
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận / lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.575.137.151
Các khoản điều chỉnh	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.575.137.151
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.042.168
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.709

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND
<u>Giao dịch bán</u>		
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Cổ đông góp vốn	3.182.446.092
- <i>Cung cấp dầu</i>	Bán hàng	606.246.364
- <i>Than và Phụ gia</i>	Bán hàng	972.205.455
- <i>Trạm xử lý nước</i>	Bán hàng	846.489.091
- <i>Dầu mỡ và gạch chịu lửa</i>	Bán hàng	15.747.273
- <i>Trạm đập đá vôi, đá sét</i>	Bán hàng	741.757.909
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Mua hàng	24.383.644.785

Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND
<u>Phải trả khác</u>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	5.342.802.273
<i>Khối lượng giao khoán (Dự có 138)</i>		5.198.796.991
<i>Các khoản ký quỹ công trình</i>		144.005.282
<u>Các khoản phải thu khác</u>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	1.805.593.450
<i>Phải trả cổ tức</i>		292.500.000
<i>Tiền phí bảo lãnh, tiền bê tông, lãi, khác</i>		121.755.238
<i>Tiền lãi năm 2006, 2007 phải nộp</i>		390.708.583
<i>Tiền vay</i>		244.629.629
<i>Khối lượng giao khoán (Dự nợ 3388)</i>		756.000.000

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm 2009 (VND)
Thù lao Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Giám đốc	526.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác.



Đàm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2010

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu